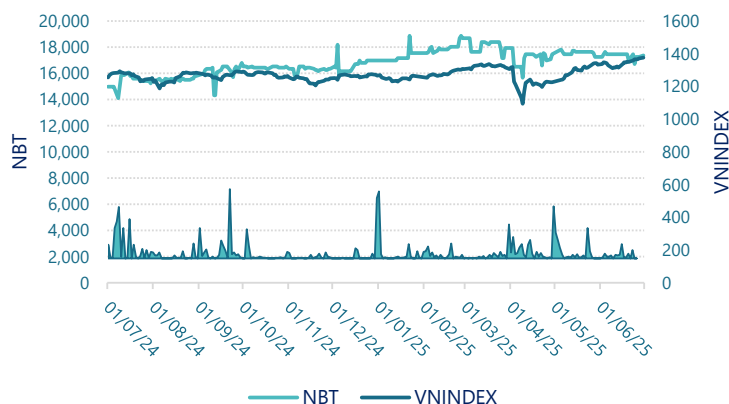


CTCP Cấp thoát nước Bến Tre (UPCOM: NBT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,872
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,105
SL cổ phiếu LH	29,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,030
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	541
P/E	10.1
EPS	1,821

DT thuần

Q2/25

66.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 11.7%

YoY: ▼ 4.20 | -5.9%

LN sau thuế

Q2/25

16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.60 | 27.3%

YoY: ▼ 4.10 | -19.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

32.2%

+/- YoY: ▼ 5.6%

DT thuần

6T 2025

127

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 5.00 | -4.2%

LN sau thuế

6T 2025

29.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.10 | -16.8%

ROE

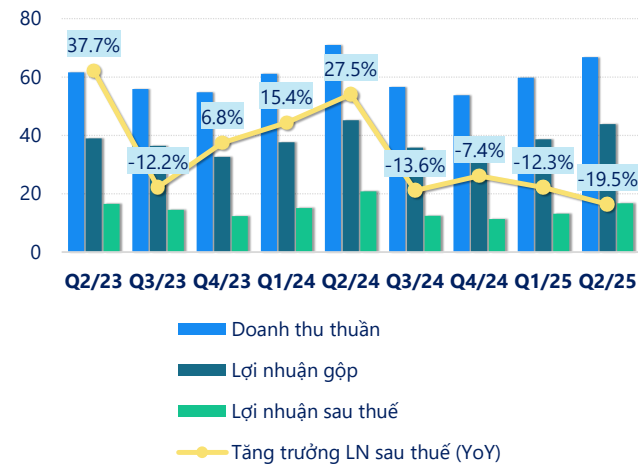
Q2/25

11.5%

+/- YoY: ▼ 2.4%

tỷ VNĐ

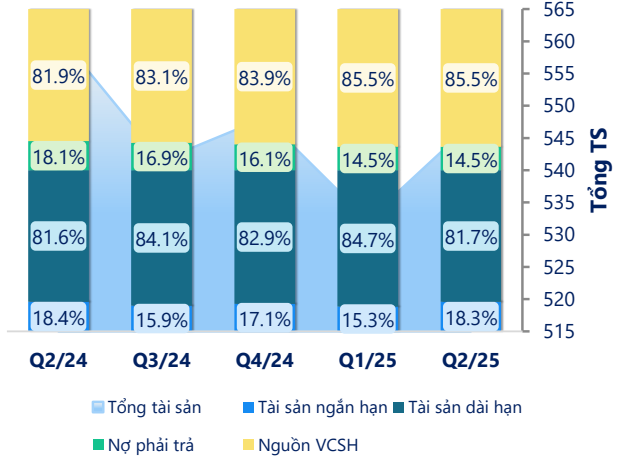
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

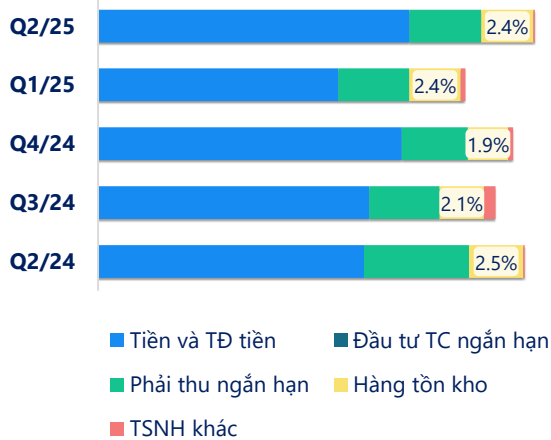
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



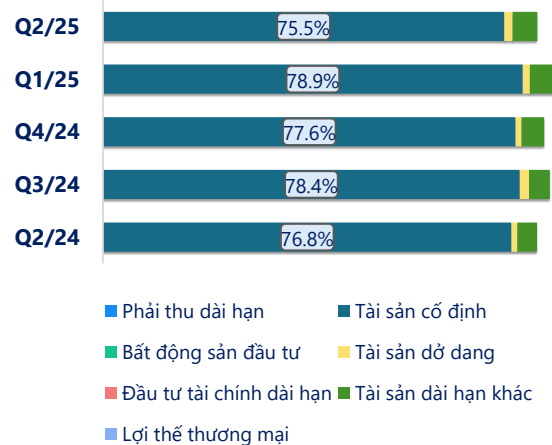
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

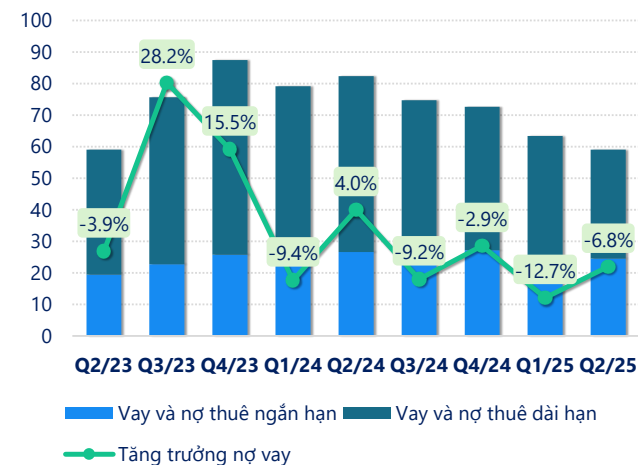
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

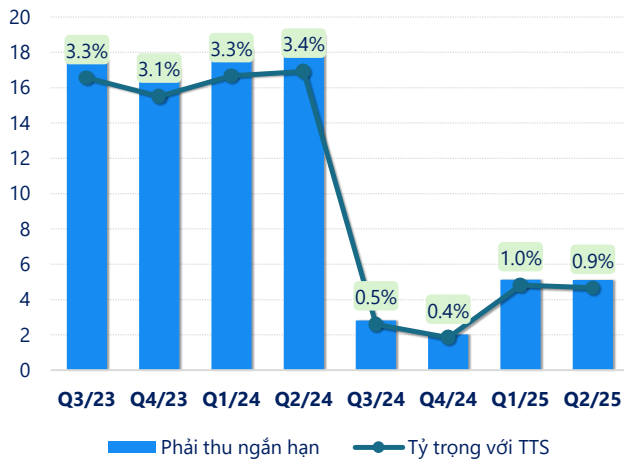
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



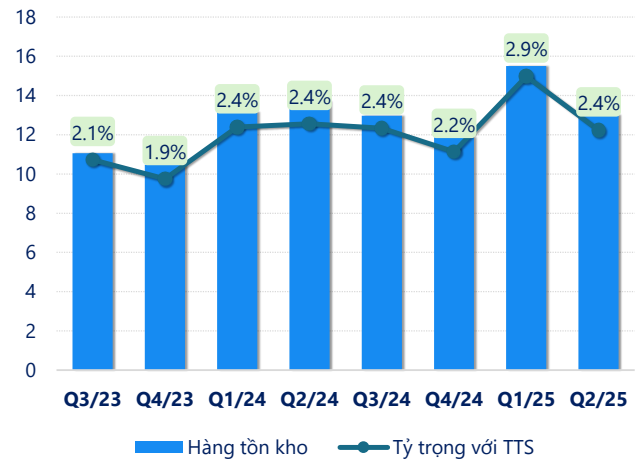
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


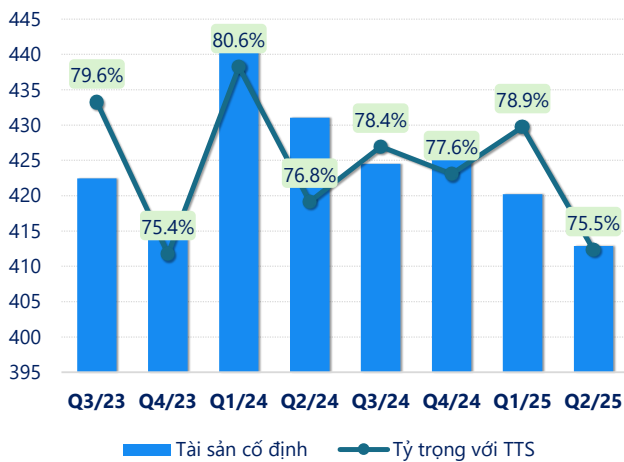
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


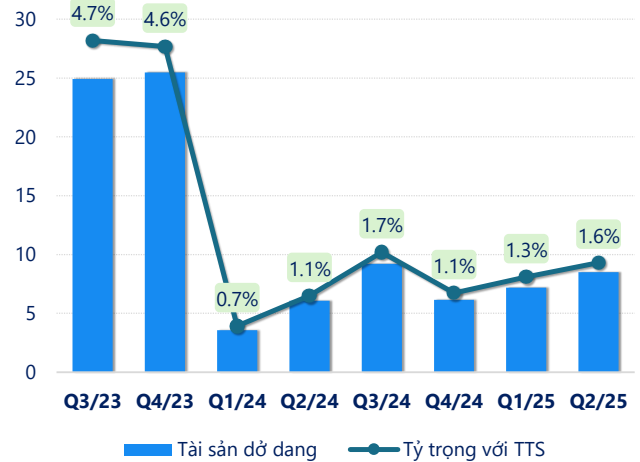
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

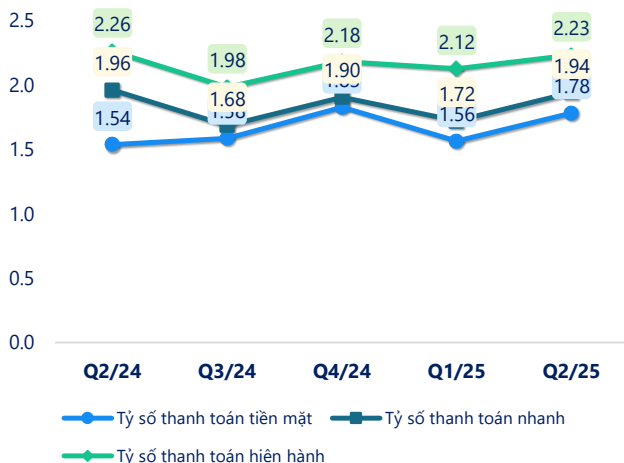
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

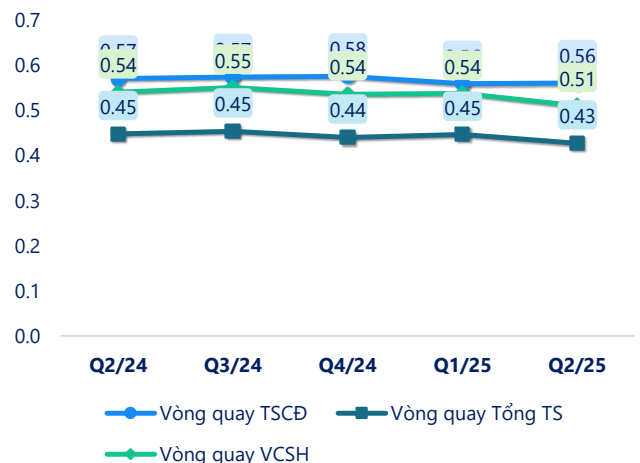
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	561	541	548	532	547
Tài sản ngắn hạn	103	86.4	93.5	81.7	100
Tiền và tương đương tiền	70.1	69.1	78.3	60.2	80.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	19.0	2.82	2.02	5.13	5.11
Hàng tồn kho	13.7	13.0	11.9	15.5	13.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	1.51	1.30	0.90	2.04
Tài sản dài hạn	458	455	455	451	447
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	431	424	425	420	413
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.07	9.21	6.15	7.18	8.50
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.7	21.4	23.1	23.2	25.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	101	91.5	88.3	77.3	79.5
Nợ ngắn hạn	45.7	43.6	42.9	38.5	44.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	26.8	27.1	24.5	24.5
Phải trả người bán ngắn hạn	3.20	2.81	2.33	4.48	6.81
Nợ dài hạn	55.7	47.9	45.5	38.9	34.6
Vay và nợ thuê dài hạn	55.7	47.9	45.5	38.9	34.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	460	450	460	455	468
Vốn chủ sở hữu	460	450	460	455	468
Vốn điều lệ	294	294	294	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)